

Số: 103/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 25 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch tổng rà soát, hệ thống hóa
văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình
ban hành từ ngày 01/01/1992 đến ngày 31/12/2017**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tổng rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành từ ngày 01/01/1992 đến ngày 31/12/2017.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /g

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VP7, VP1.

PH/04

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đình Chung Phụng

KẾ HOẠCH

**Tổng rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật
do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn
tỉnh Ninh Bình ban hành từ ngày 01/01/1992 đến ngày 31/12/2017**
*(Ban hành kèm theo quyết định số 103/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 01 năm 2018 của UBND tỉnh Ninh bình)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Thông qua công tác rà soát, phát hiện những văn bản có nội dung, thẩm quyền không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để kịp thời bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản mới thay thế, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

b) Thông qua công tác hệ thống hóa nhằm tập hợp, sắp xếp và công bố đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực, hết hiệu lực, giúp công tác xây dựng, áp dụng, thi hành pháp luật được hiệu quả; tăng cường tính công khai, minh bạch, dễ tiếp cận, dễ thực hiện của hệ thống pháp luật.

2. Yêu cầu

a) Việc rà soát, hệ thống hóa phải được triển khai toàn diện, không bỏ sót văn bản và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

b) Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, đơn vị có liên quan và các điều kiện cần thiết bảo đảm cho việc triển khai thực hiện hoạt động rà soát, hệ thống hóa.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA

1. Đối tượng

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh còn hiệu lực đến thời điểm 31/12/2017.

b) Quyết định, Chỉ thị của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh còn hiệu lực đến thời điểm 31/12/2017.

2. Phạm vi

Thực hiện rà soát, hệ thống hóa toàn bộ các văn bản nêu tại Khoản 1 Mục này được ban hành từ ngày 01/01/1992 đến hết ngày 31/12/2017.

III. NỘI DUNG

1. Nội dung thực hiện

a) Tập hợp các văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực trong kỳ hệ thống hóa từ ngày 01/01/1992 đến ngày 31/12/2013 (được công bố tại Biểu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 361/QĐ-UBND ngày 02/7/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình) và các văn bản ban hành từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2017.

b) Lập danh mục các văn bản còn hiệu lực, văn bản hết hiệu lực toàn bộ, văn bản hết hiệu lực một phần (danh mục văn bản hết hiệu lực toàn bộ và hết hiệu lực một phần được lập theo Mẫu số 03 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

c) Thực hiện rà soát về căn cứ ban hành, thẩm quyền ban hành và nội dung của văn bản đối với những văn bản còn hiệu lực (bao gồm cả văn bản hết hiệu lực một phần).

d) Lập danh mục văn bản cần bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản mới thay thế.

2. Thời gian thực hiện

a) Đối với cấp tỉnh

- Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh có nội dung thuộc lĩnh vực mình quản lý và gửi kết quả về Sở Tư pháp trước ngày 02/5/2018.

- Sở Tư pháp tổng hợp kết quả rà soát để hệ thống hóa trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cùng cấp thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp mình ban hành và quyết định công bố trước ngày 31/5/2018.

- Chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức rà soát, hệ thống hóa văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp mình ban hành, quyết định công bố trước ngày 31/5/2018.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành

a) Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện nhiệm vụ quy định tại Khoản 1 Mục III Kế hoạch này.

b) Gửi hồ sơ rà soát để lấy ý kiến của Sở Tư pháp.

2. Sở Tư pháp

a) Thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan mình.

b) Tổng hợp kết quả thực hiện trên địa bàn tỉnh báo cáo cấp có thẩm quyền công bố kết quả rà soát theo quy định.

c) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện Kế hoạch này; tổng hợp kết quả rà soát chung trên địa bàn tỉnh để báo cáo Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Đề nghị Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp và tạo điều kiện để các sở, ban, ngành tập hợp các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc đối tượng được rà soát; phối hợp với sở, ban, ngành thực hiện các nội dung liên quan trong Kế hoạch này.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương.

b) Tổ chức triển khai thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ.

c) Đảm bảo các điều kiện để thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

d) Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đầy đủ các nội dung, yêu cầu tại Kế hoạch này.

đ) Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Sở Tư pháp trước ngày 15/6/2018.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các cơ quan, đơn vị và các nguồn khác theo quy định của pháp luật. /

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Chung Phụng

Đinh Chung Phụng